

Bản án số: 465/2021/HC-PT

Ngày 09/12/2021

V/v: “Khiếu kiện Quyết định
hành chính về áp dụng biện pháp khắc
phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ý

Các thẩm phán: Ông Võ Văn Khoa

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 262/2021/TLPT-HC ngày 23 tháng 01 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định chính về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 2096/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 2219/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Trần Thị N, sinh năm 1978. Địa chỉ: 946C Quốc lộ 1A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974. Địa chỉ: 109 đường N, phường 7, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh – Văn bản ủy quyền ngày 23/7/2020 (có mặt).

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện: Ông Hoàng Tùng, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân

thành phố T (vắng mặt).

Địa chỉ: 168 đường T, phường T, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Phan Bá Thọ, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T; ông Dương Thành Nhân, chức vụ: Công chức địa chính, xây dựng, đô thị, môi trường phường L thành phố T. (có mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Trường Đại học N.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hay, chức vụ: Hiệu trưởng.

Địa chỉ: Khu phố 6, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 01/8/2017, bản tự khai và lời khai trong các buổi làm việc người khởi kiện bà Trần Thị N có ông Bùi Văn Trung là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà Trần Thị N có căn nhà trên khuôn viên đất 94,6m² tại địa chỉ 946C Quốc lộ 1A, phường L, quận T. Nguồn gốc đất do ông Nguyễn Văn Be khai phá sử dụng trước năm 1975. Năm 1992, ông Be đã đóng thuế đất nông nghiệp. Năm 1993, ông Be đã đóng thuế nhà đất. Năm 1997, ông Be cho ông Nguyễn Văn Chính. Năm 1999, ông Chính đã kê khai nhà đất. Năm 2001, ông Chính bán cho bà Trần Thị N. Năm 2013, Ủy ban nhân dân quận T đã cấp sổ nhà chính thức cho căn nhà của bà Trần Thị N (chứng nhận sổ nhà). Năm 2015, Ủy ban nhân dân quận T đã cấp hộ khẩu thường trú cho toàn bộ gia đình bà Trần Thị N. Nhà và đất của bà Trần Thị N không có ai tranh chấp. Ngày 20/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ vu khống cho bà N lấn chiếm 94,6m² đất của Trường Đại học N tạm thời quản lý theo Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhà đất của bà Trần Thị N sang nhượng là phù hợp với Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 66 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 23/5/2007. Nhà bà Trần Thị N là nhà ở hợp pháp nên bà N đã được nhập hộ khẩu thường trú vào căn nhà nêu trên theo đúng Luật cư trú Việt Nam. Theo quyết định tạm giao quyền sử dụng đất theo hiện trạng theo Quyết định số 5155/QĐ-UBND ngày 26/11/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Tại Khoản 3.1 không giao cho Trường Đại học N phần đất hành lang đường bộ theo bản đồ mà giao theo hiện trạng Trường Đại học N đang sử dụng, nghĩa là giao phần hành lang đường bộ ở bên trong tường bao phần đất của Đại học Nông Lâm chứ không giao hành lang đường bộ mà Trường Đại học N không

sử dụng ở bên ngoài tường bao do gia đình bà Trần Thị N đang sử dụng, do đó Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ quy kết bà Trần Thị N lấn chiếm đất của Trường Đại học N là sai, không phù hợp với Điều 21 Luật Đất đai năm 1993.

- Đất của bà Trần Thị N có nguồn gốc từ ông Nguyễn Văn Be khai phá sử dụng trước năm 1993, tại thời điểm năm 1993 ông Be được quyền sử dụng đất trồng hoa màu theo quy định tại Điều 2 Quyết định 639/XDCB ngày 08/4/1982 của Ban xây dựng cơ bản Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Be đã nộp thuế đất nông nghiệp năm 1992 theo giấy sang nhượng của ông Be cho ông Xương có cùng nguồn gốc đất sang nhượng với bà Trần Thị N. Do đó, theo quy định của pháp luật thuế nông nghiệp năm 1993 việc thu thuế nông nghiệp phải ghi vào sổ địa chính nên không thể là đất lấn chiếm.

- Đất gia đình bà N sử dụng ổn định không hề bị ngăn chặn theo quy định tại phần 2 trong văn bản 1666 của Tổng cục quản lý đất đai.

Đối với Biên bản họp dân ngày 22/5/2018 của Ủy ban nhân dân phường L và Công an phường L là không đúng sự thật, trái quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định 84 của Chính phủ (nay là Khoản 4 Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ).

Tại Văn bản 343/UBND ngày 27/01/2016 của Ủy ban nhân dân quận T xác định đất có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Be khai phá và sử dụng trước ngày 15/10/1993 mà đất bà N có nguồn gốc sử dụng từ ông Nguyễn Văn Be.

Trong Quyết định 4371/QĐ-KPHQ của Ủy ban nhân dân quận T không có nội dung nào cho rằng bà Trần Thị N lấn chiếm hành lang đường bộ.

Qua các bằng chứng và chứng cứ nêu trên việc Ủy ban nhân dân quận T quy kết gia đình bà Trần Thị N lấn chiếm đất của Trường Đại học N là không đúng sự thật.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T căn cứ Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 để quy kết bà Trần Thị N chiếm đất của Trường Đại học N là trái với khoản 1 Điều 36 và khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 và trái với quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Chính Phủ.

Nay bà Trần Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tuyên hủy Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T trình bày: Theo Công văn số 413/UBND-TNMT ngày 22/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T thì vị trí, diện tích khu đất 94,6m² thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15

(theo tài liệu năm 2004). Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất là đất lộ giới đường Quốc lộ 1A (nay là Quốc lộ 1) do Nhà nước trực tiếp quản lý. Năm 2003, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Trường Đại học N tạm thời quản lý, sử dụng theo hiện trạng phần đất nằm trong quy hoạch lộ giới Quốc lộ 1A, cho đến khi Nhà nước triển khai thực hiện quy hoạch (Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003).

Về thông tin của khu đất theo sổ bộ: Theo Văn bản số 2697/VPĐK-KTĐC ngày 24/02/2016 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố về cung cấp thông tin, tài liệu đăng ký tại khu đất tổ 10, 11, khu phố 5, phường L, quận T, quá trình đăng ký như sau:

- Theo Sổ địa bộ trước năm 1975: Thuộc Đông Hòa xã (tỉnh Bình Dương).
- Theo Tài liệu 299/TTg: Khu đất thuộc một phần thửa đất số 20, tờ bản đồ số 02, diện tích 7.232m², loại đất ĐM, do Ủy ban nhân dân xã Tăng Nhơn Phú, huyện Thủ Đức đăng ký và một phần đường, rạch.
- Theo Tài liệu 02/CT-UB: Khu đất thuộc một phần thửa đất số 3, tờ bản đồ số 15, xã Tân Phú, huyện Thủ Đức.
- Theo Tài liệu bản đồ năm 2004: Khu đất thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.011,5m², loại đất XD, do Ủy ban nhân dân phường L đăng ký.

Diễn biến xử lý vi phạm hành chính thu hồi đất:

Ngày 19/5/2017, Ủy ban nhân dân phường L lập Biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 10/BB-VPHC đối với bà Trần Thị N, địa chỉ thường trú: 946C Quốc lộ 1A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/5/2017, Ủy ban nhân dân phường L có Văn bản số 324/UBND về việc đề xuất xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị N.

Ngày 20/7/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T ban hành Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà Trần Thị N, địa chỉ thường trú: 946C Quốc lộ 1A, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, đã có hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở diện tích 94,6m² (đất lộ giới đường Quốc lộ 1A nay là Quốc lộ 1), thuộc khu đất do Trường Đại học N tạm thời quản lý theo Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do không ra quyết định xử phạt: Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính (thời điểm vi phạm: ngày 16/5/2001).

Biện pháp để khắc phục hậu quả: Buộc bà Trần Thị N khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm và trả lại đất đã chiếm.

Ngày 24/7/2017, Ủy ban nhân dân phường L phối hợp cùng phòng Tài nguyên và Môi trường đã công bố và giao Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Ủy ban nhân dân quận T cho bà Trần Thị N.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị N mà ban hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả căn cứ theo quy định tại điểm c Khoản 1 và Khoản 2 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, với nội dung:

“1. Không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong những trường hợp sau đây:

- a) Trường hợp quy định tại Điều 11 của Luật này;*
- b) Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;*
- c) Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại Khoản 3 Điều 63 hoặc Khoản 1 Điều 66 của Luật này;*
- d) Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;*
- e) Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật này.*

2. Đối với trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng có thể ra quyết định tịch thu sung vào ngân sách nhà nước hoặc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính thuộc loại cấm lưu hành và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật này.

Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật bị tịch thu, tiêu hủy; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T nhận thấy đã thực hiện đúng quy định pháp luật, quy trình, thủ tục đối với việc ban hành Quyết định nêu trên. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vụ kiện hành chính của bà Trần Thị N theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 2096/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2, Điều 116; điểm d khoản 2 Điều 157, khoản 1 Điều 158; Điều 173, điểm a khoản 2,

Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N yêu cầu hủy Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18/12/2020 bà Nguyễn Thị T đại diện theo ủy quyền của bà N kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Tuyết giữ nguyên đơn kháng cáo và trong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, yêu cầu phải có mặt Trường Đại học N và yêu cầu thay đổi Thẩm phán Đặng Văn Ý, Phạm Văn Công, vì lý do cả hai Thẩm phán này đã tham gia Hội đồng xét xử vụ án ông Nguyễn Văn Chính kiện Chủ tịch UBND quận T, là vụ án có tài liệu chứng cứ tương tự như vụ án này, sẽ không khách quan, gây thiệt hại cho bà N.

Tham gia phần tranh tụng, bà Tuyết cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Trung là chồng bà N tham gia tố tụng là vi phạm Điều 55, Điều 56, Điều 58 và điểm khoản 3 Điều 191 Luật tố tụng hành chính; Biên bản vi phạm hành chính lập tại phường, những người làm chứng là cán bộ phường ký làm chứng là không đúng. Quyết định xử phạt hành chính do Phó Chủ tịch ký ban hành là không đúng thẩm quyền vì quyết định giao quyền của Chủ tịch cho Phó Chủ tịch nhiệm kỳ năm 2011-2016 đã hết; áp dụng Nghị định 124 của Chính phủ để xử lý khi nghị định này chưa có hiệu lực. Diện tích đất gia đình bà N sử dụng liên tục, không có căn cứ thể hiện nhà nước giao đất cho Trường Đại học N quản lý. Tòa án không xem xét nguồn gốc đất của bà N sử dụng hợp pháp nên đã xét xử không đúng pháp luật, đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày: Diện tích đất bà N đang sử dụng là của nhà nước đã giao cho Trường Đại học N quản lý, đất này thuộc quy hoạch lộ giới. Theo Quyết định phân công số 1918 của Chủ tịch cho Phó Chủ tịch nhiệm kỳ 2011-2016, có ghi rõ nhiệm vụ của Phó Chủ tịch chấm dứt, thay đổi khi có quyết định mới phân công nên khi xử lý vi phạm hành chính, chưa có quyết định phân công mới và Phó Chủ tịch ký là đúng thẩm quyền. Người đại diện của bà N cho rằng biên bản vi phạm hành chính lập không tại phường, do hai cán bộ phường ký làm chứng là không có căn cứ, vì đây là 18 trường hợp phường lập biên bản và xử lý cùng ngày, trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Văn Chính; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp

nhận lời trình bày của người đại diện cho bà N, bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng, người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Về nội dung kháng cáo, đất bà N đang sử dụng là đất của nhà nước quản lý, quy hoạch làm lộ giới, nên Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 về áp dụng biện pháp khắc phục là đúng quy định. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử đúng pháp luật, đề nghị bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa thì thấy:

- Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bà N đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1]. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà N yêu cầu phải có mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Trường Đại học N, để xác định diện tích đất của bà N sử dụng có phải đất của nhà nước quản lý, mới có căn cứ giải quyết vụ án; yêu cầu thay đổi Thẩm phán Đặng Văn Ý, Phạm Văn Công, vì các Thẩm phán này đã xét xử vụ án ông Nguyễn Văn Chính kiện Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T), có tài liệu chứng cứ giống như vụ án này, sẽ không khách quan, gây thiệt hại cho bà N. Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của người bảo vệ quyền lợi cho người bị kiện, Hội đồng xét xử đã hội ý và thống nhất như sau: Vụ kiện được Tòa án đưa ra xét xử nhiều lần, nhưng Trường Đại học N đều vắng mặt, hơn nữa trong hồ sơ có đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến Trường Đại học N, đảm bảo cho việc xét xử; vụ án ông Nguyễn Văn Chính và vụ án bà Trần Thị N khởi kiện Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T), có người khởi kiện và đối tượng bị khởi kiện là các quyết định xử phạt vi phạm hành chính khác nhau, là hai vụ kiện khác nhau, đối chiếu với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 232, Điều 45, khoản 2 Điều 49 Luật tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy trường hợp Trường Đại học N vắng mặt, không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa và không chấp nhận yêu cầu thay đổi các Thẩm phán của bà Nguyễn Thị T.

[2]. Căn cứ đơn khởi kiện của bà N, Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ hành chính về việc: “Khởi kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực đất đai” là đúng quan hệ tranh chấp; đối tượng bị khởi kiện là Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày

20/7/2017 của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T) về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N tại địa chỉ 946C, Quốc lộ 1A, phường L, quận T (nay là thành phố T) là đúng đối tượng; do đó, người đại diện của bà N cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi không đưa ông Trung là chồng bà N tham gia tố tụng, là không có căn cứ.

[3]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T): Ngày 19/5/2017, UBND phường L lập Biên bản vi phạm hành chính số 10/BB-VPHC đối với bà N, tại khu đất thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ 15, Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường L, quận T (nay là thành phố T) có 2 người dân ký chứng kiến; người đại diện của bà N cho rằng biên bản lập không, do cán bộ phường ký chứng kiến là không có căn cứ. Ngày 22/5/2017, UBND phường L có Văn bản số 324/UBND đề xuất Chủ tịch UBND quận T xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực đất đai đối với bà N. Ngày 20/7/2017, Chủ tịch UBND quận T ban hành Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 2 Điều 31 và khoản 2 Điều 34 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai”. Do đó, người đại diện cho bà N cho rằng Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên do Phó Chủ tịch ký là không đúng thẩm quyền là không có căn cứ; bởi lẽ, tại Quyết định phân công số 1918 của Chủ tịch cho Phó Chủ tịch nhiệm kỳ 2011-2016, có ghi rõ nhiệm vụ của Phó Chủ tịch chấm dứt, thay đổi khi có quyết định mới phân công; tại thời điểm ban hành quyết định trên chưa có quyết định mới phân công, do Hội đồng nhân dân quận T chưa được bầu nên Phó Chủ tịch ký quyết định là đúng thẩm quyền đã được phân công.

[4]. Về tính hợp pháp nội dung của Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T):

[4.1]. Theo tài liệu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất ngày 10/9/1996 và Văn bản số 1676/ĐHNL-QTVT ngày 01/6/2018 của Trường Đại học N, tiền thân trước đây là Trường Cao đẳng Nông nghiệp được thành lập năm 1955, đến năm 1972 đổi tên thành Học viện Quốc gia Nông nghiệp Sài Gòn. Sau năm 1975, Trường Đại học N được giao tiếp quản toàn bộ đất cùng cơ sở vật chất, đến ngày 28/01/1990 UBND tỉnh Sông Bé ban hành Quyết định số 32/QĐ/UB thu hồi khu đất 71ha7155 (trên đất đã xây dựng), giao cho Trường Đại học N, xây dựng cơ sở trường và nhà thực hành. Theo Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, tiếp tục giao diện tích đất trên cho Trường Đại học N quản lý, sử dụng. Do đó, tổng diện tích đất

71ha7155 nhà nước đã quản lý từ năm 1975 và giao cho Trường Đại học N quản lý, sử dụng từ đó đến nay.

[4.2]. Theo Quy định tạm thời số 639/XDCB ngày 08/4/1982 của Ban xây dựng cơ bản thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 6982/QĐ-UBND-QLĐT ngày 30/9/1995 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh kèm Phụ lục lộ giới (quy định chỉ giới đường đỏ), kể từ thời điểm năm 1982 đã có quy hoạch lộ giới. Đối chiếu với mốc lộ giới quy định tại các văn bản trên thì nhà đất của bà N đang sử dụng tại số 946C Quốc lộ 1A, phường L, quận T (nay là thành phố T) nằm trong quy hoạch lộ giới.

[4.3]. Trong quá trình khởi kiện, bà N cho rằng diện tích 94,6m² đất mà Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T) buộc bà N tháo dỡ trả lại cho nhà nước, có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Be tặng cho vợ chồng ông Chính, bà Hồi vào năm 1997. Đến năm 2001, ông Chính viết giấy tay chuyển nhượng nhà đất 94,6m² tại số 946C Quốc lộ 1A, phường L, quận T (nay là thành phố T) cho bà N nên UBND phường L lập biên bản cho rằng bà N xây dựng nhà vào năm 2017 là không đúng. Tuy nhiên, theo Bản án hành chính phúc thẩm số: 04/2018/HC-PT ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực pháp luật), thì năm 1997 ông Nguyễn Văn Be tặng cho ông Chính gồm bếp, chuồng heo xây dựng năm 1980, công trình phụ xây dựng năm 1993, tại số 948, Quốc lộ 1A, phường L, quận T. Do đó, bà N trình bày nhà đất tại số 946C, Quốc lộ 1A, phường L, quận T có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn Be tặng cho ông Chính là không có căn cứ; bà N cho rằng căn nhà số 946C đã được xây dựng từ năm 1997 là không phù hợp.

[4.4]. Theo văn bản số 2697/VPĐK – KTĐC của Văn phòng đăng ký đất đai ngày 24/02/2016: Theo tài liệu 299/TTg, diện tích đất của bà N thuộc một phần thửa số 20, xã Tân Nhơn Phú, huyện Thủ Đức. Sổ mục kê ruộng đất, Chỉ thị 299/TTg do UBND xã Tăng Nhơn Phú lập ngày 30/7/1984, UBND huyện Thủ Đức duyệt ngày 26/9/1984 thì diện tích đất bà N thuộc một phần thửa đất số 35, tờ bản đồ số 15 (tài liệu năm 2004), Quốc lộ 1, khu phố 5, phường L, quận T, có tổng diện tích là 7.232m², do UBND xã Tăng Nhơn Phú, quận T kê khai, đăng ký.

[4.5]. Do đó, Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Chủ tịch UBND quận T (nay là thành phố T) về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà N, với lý do bà N có hành vi lấn chiếm đất có quy hoạch làm lộ giới của nhà nước, do Trường Đại học N được tạm giao quản lý theo Quyết định số 5155/QĐ-UB ngày 26/11/2003 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định pháp luật.

[5]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bà N kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, bác kháng cáo của bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm, theo khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

I. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị N; Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 2096/2020/HC-ST ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Căn cứ Điều 6 Luật Đất đai năm 1993; Điều 12 Luật Đất đai năm 2013; Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; khoản 1 Điều 32, khoản 2 Điều 34 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 về “Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai” của Chính phủ; khoản 1 Điều 32, khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị N yêu cầu hủy Quyết định số 4371/QĐ-KPHQ ngày 20/7/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0047479 ngày 21/8/2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nên bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

II. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị N phải chịu 300.000 đồng; được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0093662 ngày 05/02/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị N đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

III. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP(6), HS(1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ý